TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 492/2022/DS-PT
Ngày: 22 - 8 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Các thẩm phán:

Bà Châu Thị Điệp

Ông Phạm Hồng Giảng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số*:* 202/2022/TLPT- DS ngày 07 tháng 7 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4119/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH MTV S.

Trụ sở: tòa tháp A, lô E, phường M, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Hồng Q (văn bản ủy quyền ngày 26/02/2021) (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng L – sinh năm 1987, địa chỉ: A , phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2021 và tại Tòa án phía nguyên đơn trình bày như sau: Căn cứ theo Đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 04/12/2019, Ngân hàng TNHH MTV S (viết tắt là "nguyên đơn") cho ông Nguyễn Trọng L (Viết tắt là "bị đơn") vay số tiền theo khoản vay số 1426206 là

392.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 14,5%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Tại Bản tự khai ngày 23/3/2022, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại tính đến ngày 15/8/2020 là 400.364.451 (Bốn trăm triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi mốt) đồng trong đó tiền nợ gốc là 372.784.194 (*Ba trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn một trăm chín mươi bốn*) đồng, tiền lãi trong hạn là 26.817.879 (*Hai mươi sáu triệu tám trăm mười bảy nghìn tám trăm bảy mươi chín*) đồng và tiền lãi phạt là 762.378 (*Bảy trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi tám*) đồng, trả một lần ngay sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Từ thời điểm ngày 15/8/2020 đến ngày đưa vụ án ra xét xử là ngày 25/3/2022, để tạo điều kiện cho việc trả nợ của khách hàng, nguyên đơn không tính thêm phần tiền lãi phát sinh vào yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng L trình bày: Bị đơn xác nhận có ký Đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 04/12/2019 và vay tiền theo khoản vay số 1426206 là 392.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 14,5%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, tính tới ngày 27/5/2021 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền như đại diện nguyên đơn trình bày. Bị đơn đề nghị được trả mỗi tháng là 1.000.000 (*Một triệu*) đồng cho đến khi trả hết số nợ trên vì tình hình kinh tế rất khó khăn, hiện đang dịch bệnh.

Bản án sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH MTV S.

2. Buộc ông Nguyễn Trọng L phải thanh toán cho Ngân hàng TNHH MTV S số tiền còn lại tính tới ngày xét xử sơ thẩm là 400.364.451 (*Bốn trăm triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi một*) đồng trong đó tiền nợ gốc là 372.784.194 (*Ba trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn một trăm chín mươi bốn*) đồng, tiền lãi là 762.378 (*Bảy trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi tám*) đồng theo Đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 04/12/2019 giữa Ngân hàng TNHH MTV Svà ông Nguyễn Trọng L.

- Thời hạn thanh toán: Khi án có hiệu lực pháp luật.

- Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/4/2022, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 188/2022/QĐ-SCBSBA sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm tại dòng thứ 7, từ trên xuống, trang 2; dòng thứ 37, từ trên xuống, trang 3 và dòng 11, dòng 37 từ trên xuống, trang 4 của bản án như sau: "… *400.364.451 (Bốn trăm triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi một) đồng trong đó tiền nợ gốc là 372.784.194 (Ba trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn một trăm chín mươi bốn) đồng, tiền lãi trong hạn là 26.817.879 (Hai mươi sáu triệu tám trăm mười bảy nghìn tám trăm bảy mươi chín) đồng và tiền lãi phạt là 762.378 (Bảy trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi tám) đồng…"*

Ngày 31/5/2022, bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện, không đồng ý với trình bày và yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Tại cấp sơ thẩm về trách nhiệm trả lãi phát sinh, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 15/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, nay bổ sung thêm không yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày xét xử đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bị đơn trình bày như sau: Giữ nguyên nội dung kháng cáo đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại hình thức thanh toán 1 lần của bản án cấp sơ thẩm thành thanh toán trả hàng tháng, cụ thể bị đơn sẽ trả 2.500.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

+ *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quyền hạn, nhiệm vụ và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

+ *Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo*: Bị đơn thực hiện quyền kháng cáo trong thời gian luật định căn cứ Điều 273 và Điều 285 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung*: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 04/12/2019 có ký Đơn xác lập quan hệ khách hàng, theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 392.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi

suất trong hạn 14,5%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tính đến ngày 15/8/2020 bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 372.784.194 đồng, tiền lãi trong hạn là 26.817.879 đồng và tiền lãi phạt là 762.378 đồng. Nguyên yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ tính đến ngày 15/8/2020 là 400.364.451 đồng, không yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 15/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/3/2022). Tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi phát sinh từ ngày 15/8/2020 đến ngày xét xử phúc thẩm (ngày 22/8/2022).

Bị đơn kháng cáo yêu cầu được trả 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết nợ, do hiện tại bị đơn khó khăn do đầu tư chứng khoán thua lỗ và do ảnh hưởng của 02 năm dịch bệnh bị đơn không có thu nhập ổn định nên không có khả năng trả toàn bộ số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn một lần.

Bị đơn có hoàn cảnh khó khăn nhưng yêu cầu trả dần đã trình bày ở cấp sơ thẩm nhưng không được nguyên đơn đồng ý, bị đơn vay tiền của nguyên đơn nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; nguyên đơn không đồng ý cho bị đơn trả dần theo đề nghị của bị đơn và nguyên đơn không tính lãi suất từ ngày 15/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là có lợi cho bị đơn. Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền còn nợ một lần là có căn cứ, nên kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, thỏa thuận vay giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng tín dụng, hai bên có thỏa thuận về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn. Tại phiên tòa sơ thẩm chỉ yêu cầu không tính lãi cho bị đơn từ ngày 15/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 25/3/2022. Cấp sơ thẩm đã tuyên xử: "*Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015*" là không đúng theo hướng dẫn tại Điều 7 và điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 15/8/2020 đến ngày xét xử phúc thẩm; chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thi hành. Do vậy, cần phải điều chỉnh lại việc tính lãi cho phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn và quy định của pháp luật nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú đối với nội dung như sau: Bị đơn tiếp tục chịu lãi suất phát sinh từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo lãi suất thỏa thuận tại Đơn xác lập quan hệ

khách hàng ngày 04/12/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn; giữ nguyên các nội dung khác của bản án sơ thẩm. Án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra và kết quả tranh tụng, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng

Quyền và thời hạn kháng cáo: Ngày 25/3/2022, Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử vụ án, ngày 31/5/2022, ông Nguyễn Trọng L có kháng cáo trong thời hạn và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; do vậy, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm đối với Bản án sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 25/3/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật về thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Về số tiền nợ gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm

Xét, bị đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại hình thức thanh toán một lần của bản án sơ thẩm thành thanh toán trả hàng tháng, cụ thể: Bị đơn sẽ trả cho nguyên đơn 2.500.000 đồng/tháng (có thể trả tăng thêm nếu mức thu nhập tăng hơn) cho đến khi trả hết nợ, nhưng nguyên đơn không đồng ý phương thức trả nợ của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 392.000.000 đồng, theo Đơn xác lập quan hệ khách hàng ngày 04/12/2019, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 14,5%/năm và lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tại khoản vay số 1426206 ngày 04/12/2019. Bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 372.784.194 đồng, tiền lãi trong hạn là 26.817.879 đồng và lãi phạt là 762.378 đồng theo như bản án sơ thẩm đã tuyên xử. Do vậy, có căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và nợ lãi một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là đúng với thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn tại Đơn xác lập quan hệ khách hàng ngày 04/12/2019; phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Luật các tổ chức tín dụng sửa đổi năm 2017 và Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

Xét, bị đơn đề nghị được trả nợ cho nguyên đơn mỗi tháng số tiền 2.500.000 đồng, cho đến khi trả hết nợ vì hiện tại bị đơn đang khó khăn, việc làm không ổn định phải nuôi 02 con nhỏ, nhưng nguyên đơn không đồng ý phương thức trả nợ mà bị đơn đề nghị. Do vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận phương thức trả nợ theo nội dung kháng cáo của bị đơn.

- Về trách nhiệm trả nợ lãi phát sinh

Xét, thỏa thuận vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ Đơn xác lập quan hệ khách hàng ngày 04/12/2019, đây là hợp đồng vay tín dụng, hai bên có thỏa thuận về lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn.

Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm quy định:

"*1. Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất.*

2. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất".

Căn cứ vào bản án sơ thẩm và Biên bản phiên tòa sơ thẩm cho thấy, nguyên đơn chỉ không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ ngày 15/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm; tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử: "*Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015*" là không đúng theo hướng dẫn tại Điều 7 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định vẫn giữ nguyên không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ ngày 15/8/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm; và bổ sung thêm không tính lãi từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật thi hành. Xét thấy, nguyên đơn không yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi từ ngày 15/8/2020 đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật là có lợi cho bị đơn. Và Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc áp dụng Điều 7 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 để xác định trách nhiệm của bị đơn đối với

nguyên đơn về nghĩa vụ trả tiền lãi sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận nên phải sửa một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm trả nợ lãi phát sinh đối với bị đơn.

[3] Đối với các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Do bản án bị sửa nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/11/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trọng L.

2. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 25/3/2022 của Toà án Nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh; cụ thể như sau:

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TNHH MTV S.

Buộc ông Nguyễn Trọng L phải thanh toán cho Ngân hàng TNHH MTV Ssố tiền còn lại tính tới ngày xét xử sơ thẩm là 400.364.451 (*Bốn trăm triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi mốt*) đồng; trong đó: Tiền nợ gốc là 372.784.194 (*Ba trăm bảy mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi bốn nghìn, một trăm chín mươi bốn*) đồng, tiền lãi trong hạn là 26.817.879 *(Hai mươi sáu triệu tám trăm mười bảy nghìn tám trăm bảy mươi chín)* đồng và tiền lãi phạt là 762.378 *(Bảy trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi tám)* đồng theo Đơn

xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 04/12/2019 giữa Ngân hàng TNHH MTV S và ông Nguyễn Trọng L.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TNHH MTV S không yêu cầu ông Nguyễn Trọng L phải trả số tiền lãi từ ngày 15/8/2020 đến ngày xét xử phúc thẩm (ngày 22/8/2022).

2.3. Bị đơn tiếp tục chịu lãi suất phát sinh từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thi hành theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 04/12/2019 giữa Ngân hàng TNHH MTV S và ông Nguyễn Trọng L.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng L phải nộp số tiền 20.014.578 (*Hai mươi triệu không trăm mười bốn nghìn, năm trăm bảy mươi tám*) đồng.

Trả số tiền tạm ứng án phí là 10.007.289 (*Mười triệu không trăm lẻ bảy nghìn, hai trăm tám mươi chín*) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0071821 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng TNHH MTV S.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trọng L không phải chịu án phí phúc thẩm do bản án sơ thẩm bị sửa.

Trả lại số tiền 300.000 đồng cho ông Nguyễn Trọng L theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0035682 ngày 02/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành án tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tối cao;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND quận Tân Phú - Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Phú- Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Phượng